

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỈNH GIA
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HSST
Ngày: 07/02/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH GIA - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Học và ông Nguyễn Văn Tông

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân – Thư ký TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Ông Lê Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Hội trường xét xử TAND huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 04/2018/HSST ngày 10/01/2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HS, ngày 26/01/2018 đối với bị cáo:

Lê Trung D – Sinh ngày 29/01/1986; Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Trung A – Sinh năm 1960 và bà: Hoàng Thị S - Sinh năm 1963;

Tiền án: 02

- Ngày 05/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

- Ngày 15/10/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Năm 2003 bị Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng;

- Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

- Năm 2010 bị Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, quản lý giáo dục và lao động 24 tháng;

- Ngày 11/01/2018 bị công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa khởi tố bị can về hành vi: "Trộm cắp tài sản"

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/12/2017 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Lê Văn Đ – Sinh năm: 1972

Địa chỉ: Thôn I, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Nguyễn Bá P – Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

- *Người làm chứng:*

+ Bà Hoàng Thị H – Sinh năm: 1961

Địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

+ Bà Phạm Thị H – Sinh năm: 1969

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 01/8/2017, Nguyễn Bá P mượn chiếc xe mô tô Wave Anpha màu đỏ, biên kiểm soát 36N4-6808 của mẹ là Nguyễn Thị H để đi chơi. Khi đến thị trấn T, P gặp Lê Trung D và rủ D đi trộm cắp tài sản, D đồng ý và đi theo. P chở D đến khu vực thôn B, xã H, huyện T thì thấy có một chiếc xe ô tô tự chế (xe Kiến An) của gia đình anh Lê Văn Đ đang để ở ven quốc lộ 1A. P dừng xe lại cho D lấy chiếc xe trên rồi cả hai kéo đến một cơ sở thu mua phế liệu của bà Hoàng Thị H. Khi bán, P nói với bà H đây là xe của gia đình P làm xưởng cơ khí, nay không làm nữa nên đem bán thanh lý. Bà H đồng ý mua với giá 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng). Đến ngày 03/8/2017, khi biết hành vi của mình không thể trốn tránh, P đã đến cơ sở thu mua trên chuộc lại chiếc xe ô tô cũng với giá 600.000đ và đem đến trả cho anh Đ.

Tại cơ quan Cảnh sát điều tra, Nguyễn Bá P và Lê Trung D đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Quá trình điều tra, D đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 08/9/2017, cơ quan CSĐT đã ra Quyết định truy nã đối với D. Ngày 20/10/2017, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định tách vụ án hình sự, tách hành vi của D để tiếp tục điều tra. Đến ngày 05/12/2017, Dũng bị Công an phường T, quận Đ, TP. Hà Nội bắt khi đang lẩn trốn tại Hà Nội.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKS ngày 10/01/2018 của VKSND huyện Tĩnh Gia đã truy tố Lê Trung D về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS năm 1999; Khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị mức hình phạt từ 30 đến 36 tháng tù. Không xem xét phần bồi thường thiệt hại, buộc bị cáo phải chịu án phí HSST.

Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Cơ quan điều tra Công an huyện Tĩnh Gia, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Phân tích những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Tại phiên tòa, Lê Trung D khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 01/8/2017, Nguyễn Bá P và Lê Trung D đã có hành vi trộm cắp một chiếc xe lôi tự chế (xe Kiến An) của gia đình anh Đ thuộc khu vực thôn B, xã H, huyện Tĩnh Gia, sau đó đem bán với giá 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

Theo kết luận định giá tài sản số 101/KLĐGTS ngày 27/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia thì chiếc xe lôi (xe Kiến An), màu nâu, chiều dài 3.3m, cao 0.85m, rộng 1.3m, chiều cao thùng xe 0.36m, càng xe dài 0.97m, xe có 4 bánh được làm chủ yếu từ sắt V, sắt hộp và sắt tròn có giá trị là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của bị cáo có đủ các dấu hiệu cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS.

- Xét tính chất mức độ hành vi và hậu quả thấy rằng: Hiện nay trên địa bàn huyện T, tình trạng trộm cắp tài sản ngày một gia tăng và có diễn biến phức

tạp. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh trên địa bàn, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang lo sợ. Vì vậy, cần phải tuyên cho bị cáo một hình phạt thật nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

- Xét về nhân thân và trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân xấu: Năm 2003 bị Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng 24 tháng; Năm 2008 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; Năm 2010 bị Ủy ban nhân dân huyện Tĩnh Gia áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, quản lý giáo dục và lao động 24 tháng; Ngày 11/01/2018 bị công an huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa khởi tố bị can về hành vi: “Trộm cắp tài sản” và có 02 tiền án: Ngày 05/12/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 36 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Ngày 15/10/2015 bị Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó hành vi phạm tội lần này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt, nên khi lượng hình không áp dụng điểm g khoản 1 điều 48 BLHS năm 1999 làm tình tiết tăng nặng. Nhưng cũng cần thiết phải tuyên cho bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên được áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS làm tình tiết giảm nhẹ, lượng giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật.

- Đối với P: tại Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2017/HSST ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia đã xử phạt P 15 tháng tù.

- Xét về phần hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Xét về vật chứng và dân sự:

Chiếc xe lôi (xe Kiến An) mà P và D đã trộm cắp. Ngày 03/8/2017, P đã chuộc lại và đem trả cho gia đình anh Đ. Anh Đ sau khi nhận lại tài sản không có yêu cầu gì thêm. Bà H sau khi Phong chuộc lại chiếc xe lôi trên không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xét.

Đối với 600.000đ mà P đã chuộc lại chiếc xe lôi để trả lại cho anh Đ. Quá trình điều tra P không yêu cầu bị cáo D phải trả lại cho P. Do đó hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với chiếc xe máy Wave Anpha màu đỏ, biển kiểm soát 36N4-6808 mà Phong dùng để đi trộm cắp là tài sản hợp pháp của bà Nguyễn Thị H. Cơ quan CSĐT đã trả lại cho bà H, bà H không có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

- **Xét về án phí:** Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- **Căn cứ vào:** Điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS năm 1999.

- **Tuyên bố:** Lê Trung D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- **Xử phạt:** Lê Trung D 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 05/12/2017.

- **Án phí:** Áp dụng: Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án và điểm 1 mục I bản danh mục án phí, lệ phí tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000^d tiền án phí HSST.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Tĩnh Gia;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Lưu: VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bắc